TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ML** **TỈNH SL**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST
Ngày 16-4-2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quàng Văn Mầng.

2. Ông Lò Văn Khẹt.

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07, 15, 16 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLST–DS ngày 15 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông CVH. Địa chỉ: Bản NL (tổ 17), phường CS, thành phố SL, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà QTH. Địa chỉ: TK2, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông CTT. Địa chỉ: Bản C, phường CA, thành phố SL, tỉnh SL. Đại diện theo ủy quyền. Văn bản ủy quyền ngày 16/12/2020. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà CTL, anh CVH. Địa chỉ: Bản NL (tổ 17), phường CS, thành phố SL, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.

Chị CNQ. Địa chỉ: TK2, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

Ông LVC. Địa chỉ: Bản NL (tổ 17), phường CS, thành phố SL, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.

4. Người làm chứng:

Anh CVH. Địa chỉ: Bản NL (tổ 17), phường CS, thành phố SL, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông CVH trình bày:

Ngày 24/9/2016 ông có cho bà QTH ở TK2, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL vay số tiền 365.000.000, đồng. Việc cho vay do không quen biết bà QTH đã tin tưởng ông LVC là người cùng bản giới thiệu, đồng thời tin tưởng do bà QTH giới thiệu là giám đốc và có xe ôtô vì vậy mới cho vay. Số tiền cho vay hai lần là 365.000.000, đồng. Thời hạn vay 02 tháng, lãi là 3% tháng. Bà hồng đã trả được 20.000.000, đồng vào các ngày 08/02/2017 và ngày 17/4/2018 mỗi lần trả 10.000.000, đồng.

Đến nay bà QTH không trả được nợ. Nguyên đơn ông CVH yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà QTH phải thanh toán trả số tiền là 345.000.000, đồng (ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng) và trả lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01/01/2018.

Nguyên đơn đưa ra tài liệu chứng cứ gồm:

"Giấy biên nhận thỏa thuận vay tiền mặt" ngày 27/7/2017 âm (số tiền vay 300.000.000, đồng);

"Giấy biên nhận thỏa thuận vay tiền mặt" ngày 19/9/2017 (số tiền vay 65.000.000, đồng);

"Giấy biên nhận thỏa thuận vay tiền mặt" ngày 31/5/2018 (số tiền vay 427.000.000, đồng);

Tại phiên tòa nguyên đơn đưa ra tài liệu chứng cứ "Giấy biên nhận vay tiền mặt" ngày 24/9/2016 (số tiền vay 300.000.000, đồng) và trình bày đây là số tiền vay gốc, sau đó bà QTH không trả được nợ, đến ngày 27/7/2017 âm hai bên lập lại giấy vay, bản gốc bà QTH giữ.

Nguyên đơn ông CVH trình bày về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Do bà QTH không trả nợ số tiền vay trên hai bên thỏa thuận chuyển nhượng nhà và đất ở TK2, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Diện tích là 473,2m^2, trên đất có nhà cấp 4, đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sơ ri 569069, thửa

số 85, tờ bản đồ 42, cấp ngày 18/9/2014. Tại phiên tòa ông cho rằng đây là tài sản thế chấp đối với khoản vay. Nay ông yêu cầu nếu không trả tiền thì trả đất và nhà.

Nguyên đơn đưa ra tài liệu chứng cứ gồm:

"Biên bản chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở, đề ngày 28/3/2018"

"Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (mẫu Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất của sở Tài nguyên – Môi trường SL).

Nguyên đơn ông CVH trình bày về số tiền 120.000.000, đồng mà ông CVH cho bà QTH vay ngày 10/6/2016 là không đúng, mà ông cho ông LVC vay, sau đó ông LVC cho bà QTH vay. Nay ông LVC đã trả cho ông 110.000.000, đồng là xong hết. Tại phiên tòa ông không yêu cầu về việc bà QTH phải trả và không liên quan đến số tiền ông khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn bà CTL, anh CVH trình bày: Hai người đồng ý kiến với nguyên đơn ông CVH vì việc cho vay là gia đình ông bà cho vay.

Bị đơn bà QTH trình bày:

Bà không công nhận được vay số tiền của ông CVH là 365.000.000, đồng. Bà cho rằng số tiền trong 4 giấy: "Giấy biên nhận vay tiền mặt" ngày 24/9/2016 (số tiền vay 300.000.000, đồng); "Giấy biên nhận thỏa thuận vay tiền mặt" ngày 27/7/2017 âm (số tiền vay 300.000.000, đồng); "Giấy biên nhận thỏa thuận vay tiền mặt" ngày 19/9/2017 (số tiền vay 65.000.000, đồng); "Giấy biên nhận thỏa thuận vay tiền mặt" ngày 31/5/2018 (số tiền vay 427.000.000, đồng) này không có thật mà là tiền chốt nợ, do đó bà không nhất trí trả cho ông CVH.

Bà cho rằng bà vay thật của ông CVH gồm 3 lần: Ngày 10/6/2016 vay 120.000.000, đồng khi vay thông qua ông LVC; ngày 24/9/2016 vay 34.000.000, đồng; Ngày 27/9/2016 vay 116.000.000, đồng. Tổng cộng 3 lần vay là 270.000.000, đồng.

Về việc thanh toán trả nợ bà cho rằng đã trả được gồm:

Ngày 24/12/2016 trả được 27.000.000, đồng tại quán cà phê sơn đối diện bến xe khách SL;

Ngày 15/9/2017 trả được 50.000.000, đồng tại nhà ông CVH;

Ngày 17/9/2017 trả được 101.000.000, đồng tại quán Quý Nguyệt ở dốc Mường Hồng Hát Lót Mai Sơn, số tiền này đưa cho bà Lò Thị Liên ở bản Nà Sẳng, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh SL;

Ngày 08/02/2017 trả được 10.000.000, đồng;

Ngày 17/4/2018 trả được 10.000.000, đồng.

Tổng cộng trả được 197.000.000, đồng.

Riêng ngày 11/12/2018 ông LVC trả 110.000.000, đồng, nhưng không trừ vào số tiền vay của bà vì bà cho rằng trong số tiền 300.000.000, đồng cộng cả số 120.000.000, đồng.

Bị đơn bà QTH trình bày về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà như sau:

Do bà QTH không trả nợ số tiền vay trên bên nguyên đơn ép bà ký hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất ở TK2, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Diện tích là 473,2m^2, trên đất có nhà cấp 4, đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sơ ri 569069, thửa số 85, tờ bản đồ 42, cấp ngày 18/9/2014. Tại phiên tòa bà cho rằng đây không phải là tài sản thế chấp đối với khoản vay. Nay nguyên đơn yêu cầu nếu không trả tiền thì trả đất và nhà bà không nhất trí.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn Chị CNQ trình bày: Việc bà QTH vay nợ như thế nào chị không biết, việc chị ký vào hợp đồng do bị ép buộc. Chị đồng ý với ý kiến của bà QTH.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông LVC trình bày: Ông không công nhận là người giới thiệu để cho bà QTH vay tiền ông CVH.

Ông trình bày về số tiền 120.000.000, đồng mà ông CVH cho bà QTH vay ngày 10/6/2016 là đúng, sau đó ông đã trả cho ông CVH 110.000.000, đồng. Tại phiên tòa ông không yêu cầu về việc bà QTH phải trả, nếu có sẽ giải quyết sau.

Đối với các chữ ký trong giấy vay là đúng chữ ký của ông, ông không được biết bà QTH vay thêm bao nhiêu tiền, chỉ chứng kiến việc hai bên lập giấy tờ. Bà QTH cho rằng số tiền 120.000.000, đồng được gộp vào thành 300.000.000, đồng ông không được biết việc này.

Người làm chứng anh CVHàn trình bày:

Anh công nhận được làm chứng việc bà QTH ký kết vay tiền của gia đình ông CVH, các chữ ký trong giấy vay là đúng chữ ký của anh.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định. Về nội dung:

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

Có đủ căn cứ buộc bà QTH phải thanh toán trả nợ cho ông CVH số tiền vay gốc là 345.000.000,đồng (Ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng) và lãi là 113.108.000,đồng (Một trăm mười ba triệu một trăm linh tám nghìn đồng). Tổng cộng là 458.108.000,đồng (Bốn trăm năm mươi tám triệu một trăm linh tám nghìn đồng).

Không đủ căn cứ chấp nhận hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất ngày 28/3/2018 giữa bà QTH và ông CVH, bà CTL.

Về án phí: Bà QTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị CNQ có đề nghị xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

[2] Xét về hợp đồng vay tài sản giữa ông CVH với bà QTH: Căn cứ vào văn bản "Giấy biên nhận vay tiền mặt" ngày 24/9/2016 (số tiền vay 300.000.000, đồng); "Giấy biên nhận thỏa thuận vay tiền mặt" ngày 27/7/2017 âm (số tiền vay 300.000.000, đồng); "Giấy biên nhận thỏa thuận vay tiền mặt" ngày 19/9/2017 (số tiền vay 65.000.000, đồng); "Giấy biên nhận thỏa thuận vay tiền mặt" ngày 31/5/2018 (số tiền vay 427.000.000, đồng) xác nhận có giao dịch vay tiền giữa ông CVH với bà QTH, thì việc hai bên có giao dịch vay tiền là có thật.

[3] Xét về các yêu cầu phản đối của bà QTH:

Thứ nhất: Đối với lời khai cho rằng bà vay thật của ông CVH gồm 3 lần: Ngày 10/6/2016 vay 120.000.000, đồng khi vay thông qua ông LVC; ngày 24/9/2016 vay 34.000.000, đồng; Ngày 27/9/2016 vay 116.000.000, đồng. Tổng cộng 3 lần vay là 270.000.000, đồng. Tuy nhiên ngoài lời khai bà không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh.

Thứ hai: Ngày 11/12/2018 ông LVC trả 110.000.000, đồng, nhưng không trừ vào số tiền vay của bà vì bà cho rằng trong số tiền 300.000.000, đồng cộng cả số 120.000.000, đồng. Tại phiên tòa ông LVC được bà cho rằng biết việc này lại không công nhận và không được biết. Ngoài lời khai bà không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh.

Thứ ba: Đối với khoản tiền vay 65.000.000, đồng bà cho rằng là khoản lãi của 300.000.000, đồng tuy nhiên ông CVH không công nhận, đồng thời trong giấy vay không ghi đây là tiền lãi, bên cạnh đó bản thân bà có biên bản chốt nợ ngày 31/5/2018 xác định khoản tiền 427.000.000, đồng mới là tiền chốt. Do đó việc bà khai rằng khoản tiền này là tiền lãi là không có căn cứ.

Thứ tư: Về việc thanh toán trả nợ bà cho rằng đã trả được gồm:

Ngày 24/12/2016 trả được 27.000.000, đồng tại quán cà phê Sơn đối diện bến xe khách SL;

Ngày 15/9/2017 trả được 50.000.000, đồng tại nhà ông CVH;

Ngày 17/9/2017 trả được 101.000.000, đồng tại quán Quý Nguyệt ở dốc Mường Hồng Hát Lót Mai Sơn, số tiền này đưa cho bà Lò Thị Liên ở bản Nà Sẳng, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh SL;

Ngày 08/02/2017 trả được 10.000.000, đồng;

Ngày 17/4/2018 trả được 10.000.000, đồng.

Tổng cộng trả được 197.000.000, đồng.

Tuy nhiên ông CVH chỉ công nhận bà đã trả hai lần ngày 08/02/2017 trả được 10.000.000, đồng; ngày 17/4/2018 trả được 10.000.000, đồng được ghi và ký vào sau tờ giấy vay ngày 19/9/2017. Căn cứ vào kết quả xác minh tại quán cà phê Sơn đối diện bến xe khách SL, xác minh đối với ông Trần Văn Quý, bà Lèo Thị Nguyệt, xác minh đối với bà Lò Thị Liên ở bản Nà Sẳng, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh SL là những người mà bà QTH đưa ra cho rằng họ biết nhưng kết quả đều không có ai công nhận được biết sự việc như bà QTH khai, như vậy không có căn cứ để chấp nhận lời khai này của bà QTH.

Xét bản thu âm bằng điện thoại di động của bà QTH được Hội đồng xét xử nghe chỉ thể hiện có việc cho vay tiền giữa hai người không có căn cứ chứng minh cho việc bà QTH trả nợ cho ông CVH như trên.

Thứ năm: Về yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2016 vay số tiền 365.000.000, đồng: Tại phiên tòa nguyên đơn đưa ra tài liệu chứng cứ "Giấy biên nhận vay tiền mặt" ngày 24/9/2016 (số tiền vay 300.000.000, đồng) và trình bày đây là số tiền vay gốc, sau đó bà QTH không trả được nợ, đến ngày 27/7/2017 âm hai bên lập lại giấy vay cũng với số tiền vay là 300.000.000, đồng, bản gốc bà QTH giữ. Sau đó bà QTH vay tiếp số tiền 65.000.000, đồng và được hai bên lập "Giấy biên nhận thỏa thuận vay tiền mặt" ngày 19/9/2017. Như vậy bà QTH vay hai lần bằng 365.000.000, đồng.

[4] Xét về yêu cầu của ông CVH: Do giao dịch vay tiền được xác lập là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, do đến hạn bên vay bà QTH không trả đầy đủ khoản nợ, nên cần căn cứ quy định của điểm a khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông CVH, buộc bà QTH phải trả khoản tiền vay gốc cho ông 345.000.000,đồng.

Về lãi suất: Do đến hạn trả nợ bà QTH không trả được đầy đủ khoản nợ gốc và lãi suất, bên nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2018, nên cần chấp nhận lãi suất được tính như sau:

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 15/01/2021 là 3 năm 3 tháng 15 ngày = 39 tháng 15 ngày.

Lãi suất được tính 10%/năm : 12 tháng = 0,83%/tháng;

Tiền gốc là 345.000.000,đồng x 0,83% = 2.863.500, đồng/1 tháng x 39 tháng 15 ngày = 113.108.000,đồng (được làm tròn).

Như vậy: Bà QTH phải thanh toán trả nợ cho ông CVH:

Số tiền vay gốc là 345.000.000,đồng và lãi là 113.108.000,đồng. Tổng cộng là 458.108.000,đồng.

[5] Xét về hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà QTH và ông CVH, bà CTL:

Hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất ngày 28/3/2018, ở TK2, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Diện tích là 473,2m^2, trên đất có nhà cấp 4, đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sơ ri 569069, thửa số 85, tờ bản đồ 42, cấp ngày 18/9/2014; chưa được công chứng, chứng thực. Về nội dung chuyển nhượng đất là không đúng mục đích, do đây không phải do hai bên chuyển nhượng nhà đất, mà là do để trừ nợ. Ông CVH cho rằng đây là việc thế chấp để bảo đảm khoản vay, tuy nhiên bà QTH và người liên quan không nhất trí. Tại Văn bản số: 191/CNVPĐKĐĐ ngày 18/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện ML xác định chưa thấy các đương sự làm thủ tục đăng ký.

Căn cứ vào Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 500, 501, 502, 503 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và từ phân tích đánh giá nêu trên thì Hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất ngày 28/3/2018 giữa bà QTH và ông CVH, bà CTL không phát sinh hiệu lực. Do đó không đủ căn cứ chấp nhận hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất ngày 28/3/2018 giữa bà QTH và ông CVH, bà CTL.

[6] Đối với số tiền 120.000.000, đồng mà ông CVH cho ông LVC vay, sau đó ông LVC cho bà QTH vay ngày 10/6/2016, ông LVC đã trả cho ông CVH 110.000.000, đồng. Tại phiên tòa ông CVH cho ông LVC đều công nhận. Nay ông LVC không yêu cầu về việc bà QTH phải trả, nếu có sẽ giải quyết sau, do đương sự không yêu cầu, căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí:

Bà QTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền nguyên đơn được chấp nhận là 458.108.000,đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Buộc bà QTH phải thanh toán trả nợ cho ông CVH:

Số tiền vay gốc là 345.000.000,đồng (Ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng) và lãi là 113.108.000,đồng (Một trăm mười ba triệu một trăm linh tám nghìn đồng). Tổng cộng là 458.108.000,đồng (Bốn trăm năm mươi tám triệu một trăm linh tám nghìn đồng). Thời hạn trả kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án".

2. Về án phí:

Bà QTH phải chịu 22.405.000 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm linh năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông CVH 8.625.000 đồng (Tám triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004921 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 16/4/2021. Chị CNQ được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, 6 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- Các đương sự (5);
- Người đại diện hợp pháp của bị đơn;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Minh Tuấn